|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| http://bidvportal.vn/Accounting/GetImages.aspx?File_ID=2262022_92229177_BIDV.png  | **GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG***(áp dụng đối với khách hàng vay thấu chi/theo món phục vụ nhu cầu đời sống không có TSBĐ đối với KHCN)* | **Số Hợp đồng: AA/BB/CC/HĐTD** |
| **Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh ….. (Ngân hàng)** |
| 1. **Thông tin người vay vốn**
 |
| 1. **Thông tin cá nhân**
 |
| **Họ và tên: (Bên vay)** | **Ngày sinh:** | **Giới tính:** ☐Nam ☐Nữ |
| **Số CMND/Hộ chiếu:** | **Ngày cấp:** | **Nơi cấp:** |
| **Địa chỉ thường trú** (theo Hộ khẩu/KT3)**:** |
| **Địa chỉ cư trú hiện tại:** |
| **Điện thoại cố định:** | **Điện thoại di động:** | **Email:** |
| 1. **Thông tin gia đình** (vợ/chồng khách hàng vay)
 |
| **Họ và tên: (Bên vay)** | **Ngày sinh:** |
| **Số CMND/Hộ chiếu:** | **Ngày cấp:** | **Nơi cấp:** |
| **Địa chỉ thường trú** (theo Hộ khẩu/KT3)**:** |
| **Địa chỉ cư trú hiện tại:** |
| **Điện thoại cố định:** | **Điện thoại di động:** | **Email:** |
| 1. **Thông tin nghề nghiệp**
 |
| **Tên cơ quan công tác hiện tại:** |
| **Địa chỉ:** | **Điện thoại liên lạc:** |
| **Vị trí công tác:**  |
| 1. **Thông tin về khả năng tài chính**
 |
| **Thu nhập hàng tháng** | **Nguồn thu nhập** | **Bên vay** | **Vợ/chồng** (nếu có) |
| **Lương** (và các khoản có tính chất lương) |  |  |
| **Kinh doanh:** |  |  |
| **Cho thuê tài sản:** |  |  |
| **Khác:** |  |  |
| **Tổng cộng:** |  |
| **Chi phí hàng tháng của gia đình** | **Sinh hoạt:** |  |
| **Các khoản trả góp:** |  |
| **Tổng cộng:** |  |
| **Thu nhập ròng hàng tháng của gia đình** (tổng thu nhập - tổng chi phí)**:** VNĐ/tháng |
| **Tài sản đang sở hữu** *(có giấy tờ sở hữu hợp pháp, hợp lệ)* | **Loại tài sản** | **Giá trị tài sản** (triệu VNĐ) | **Đang cầm cố/****thế chấp** |
| Bất động sản | 1. |  | ☐ |
| 2. |  | ☐ |
| Động sản | 1. |  | ☐ |
| 2. |  | ☐ |
| Tiền gửi tại Ngân hàng | 1. |  | ☐ |
| 2. |  | ☐ |
| Tài sản khác | 1. |  | ☐ |
| 2. |  | ☐ |
| 3. |  |  |
| 4. |  |  |
| **Tổng giá trị:** |   |
| 1. **Thông tin quan hệ tín dụng ngân hàng**
 |
| **TT** | **Hình thức vay** | **Hình thức** **bảo đảm** | **Ngân hàng** | **Số tiền vay****(hạn mức)**(triệu VNĐ) | **Ngày đáo hạn** | **Dư nợ hiện tại**(triệu VNĐ) | **Số tiền trả nợ hàng tháng** (triệu VNĐ) |
| **Tín chấp** | **Bằng** **tài sản** |
| 1 |  | ☐ | ☐ |  |  |  |  |  |
| 2 |  | ☐ | ☐ |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. **Thông tin người tham chiếu**

*(Thông tin về 1 cá nhân biết rõ về Bên vay nhưng không cùng địa chỉ cư trú & có điện thoại mà Ngân hàng có thể liên hệ khi cần)* |
| **Họ và tên:** | **Quan hệ với Bên vay:** | **Giới tính:** ☐Nam ☐Nữ |
| **Địa chỉ liên lạc:** | **Điện thoại liên hệ:** |
| 1. **Thông tin khoản vay đề nghị**
 |
|  **1. Phương thức vay** |
| ☐ **Vay theo món****- Số tiền vay:** VNĐ. *Bằng chữ:***- Thời hạn vay:** tháng.**- Kế hoạch trả nợ:**+ Kỳ trả nợ (gốc và lãi): hàng tháng + Số tiền trả nợ: ☐ Nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế ☐ Trả góp: VNĐ/tháng ☐ Khác:**- Phương thức trả nợ:** ☐ Tự động trừ tài khoản ☐ Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản**- Thông tin rút vốn lần đầu:**+ Số tiền rút vốn:VNĐ. *Bằng chữ:* *+* Thời điểm rút vốn:+ Phương thức rút vốn: + Số tài khoản vay:… | ☐ **Cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản tiền gửi thanh toán****- Trị giá hạn mức** VNĐBằng chữ:**-** **Thời hạn cấp hạn mức:** tháng.**- Kế hoạch trả nợ:**  + Nợ lãi: trả vào ngày 27 hàng tháng. + Nợ gốc: trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của Bên vay tại BIDV.  |
| **2. Nguồn trả nợ:** |
| **3. Bảng kê mục đích sử dụng vốn vay:** |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |
| 1. **Thông tin bảo hiểm**
 |
| **Trường hợp tham gia bảo hiểm người vay vốn - BIC Bình An:** |
| 1. **Người được bảo hiểm (NĐBH):**

☐ Người vay vốn ☐ Người hôn phối ☐ Người đại diện (trường hợp Hộ gia đình/Hộ kinh doanh vay vốn)1. **Số tiền đề nghị bảo hiểm:** VNĐ.
2. **Chương trình bảo hiểm và Tỷ lệ phí bảo hiểm:**

☐ Chương trình A (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 01 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.3%/năm☐ Chương trình B (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 02 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.4%/năm☐ Chương trình C (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 03 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.45%/năm☐ Chương trình D (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 04 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.48%/năm1. **Lưu ý:**

- Trường hợp tử vong do bệnh đặc biệt hoặc bệnh mà cơ quan y tế, cơ quan chức năng Nhà nước không xác định được nguyên nhân:+ Năm bảo hiểm đầu tiên (đủ 12 tháng): chi trả 50% số tiền bảo hiểm của rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường+ Từ năm bảo hiểm thứ hai trở đi (trên 12 tháng): chi trả 100% số tiền bảo hiểm của rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường- Quyền lợi bảo hiểm bổ sung (áp dụng chung cho tất cả các Chương trình bảo hiểm):+ Trợ cấp nằm viện do tai nạn (trường hợp NĐBH bị tai nạn có nằm viện điều trị thuộc phạm vi bảo hiểm)+ Hỗ trợ tiền lãi trong thời gian chờ xử lý hồ sơ khiếu nại (trường hợp NĐBH thuộc phạm vi quyền lợi bảo hiểm cơ bản)+ Trợ cấp mai táng phí (trường hợp NĐBH tử vong)1. **Hình thức thanh toán phí bảo hiểm:**

☐ Trả 1 lần toàn bộ phí ☐ Trả hàng năm  |
| 1. **Đăng ký dịch vụ giá trị gia tăng**
 |
| 1. **Dịch vụ Ngân hàng trực tuyến BIDV e-Banking**

|  |  |
| --- | --- |
| [x] BIDV Online (gói phi tài chính) | 🞎Token 🞎 SMS OTP, Số điện thoại nhận OTP:🞎Đăng ký nhận thông báo từ Ngân hàng |
| **⁪**BIDV Online (gói tài chính) |
| **⁪**BIDV Smartbanking | 🞎 SMS OTP, Số điện thoại nhận OTP:🞎 Số điện thoại đăng ký dịch vụ: |

Tài khoản thanh toán phí dịch vụ:Hình thức nhận thông báo Tên và mật khẩu đăng nhập dịch vụ: 🞎Nhận trực tiếp 🞎Nhận qua Email |
| 1. **Dịch vụ Vấn tin qua điện thoại di động (BSMS)**

Số điện thoại đăng ký sử dụng dịch vụ:Tài khoản thanh toán phí dịch vụ:Tài khoản mặc định cung cấp thông tin:Đăng ký các nhóm dịch vụ sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Dịch vụ mặc định đăng ký** | **Các dịch vụ đăng ký bổ sung nếu Khách hàng có nhu cầu** |
| **[x]**  Dịch vụ tin nhắn vấn tin | 🞎 Thông tin tài khoản tiền gửi |
| **[x]**  Dịch vụ nhận tin nhắn quảng cáo, thông báo | 🞎 Thông tin tài khoản tiền vay |
| **[x]**  Thông tin thẻ tín dụng | 🞎 Thông tin L/C, bảo lãnh |
| **[x]**  Sao kê thẻ tín dụng | 🞎 Thông tin thẻ tiết kiệm |
|  | 🞎 Thông tin tỷ giá, lãi suất, khác |

Đánh dấu “√” vào 🞎 nếu đăng ký sử dụng dịch vụ: 🞎 BIDV Online 🞎 BSMS |
| 1. **Cam kết của Bên vay**
 |
| 1. Những thông tin được cung cấp tại Đề nghị này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin này. Trong trường hợp các thông tin kê khai ở trên là không chính xác và đầy đủ, bất cứ quyền lợi bảo hiểm phát sinh liên quan đến khoản vay của Bên vay tại Ngân hàng sẽ không có hiệu lực. Khi đó, Bên vay sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về mặt pháp lý trước Ngân hàng và Công ty bảo hiểm.
2. Nếu không đủ điều kiện vay vốn theo đề nghị tại mục III trên đây, Bên vay đồng ý vay vốn theo phê duyệt cuối cùng của Ngân hàng.
3. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, Bên vay xác nhận đã đọc và đồng ý tuân theo:

☐ Điều kiện và điều khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống không có TSBĐ đối với khách hàng cá nhân (bao gồm điều khoản và điều kiện vay đối với phương thức vay theo món và/hoặc điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi).☐ Quy tắc bảo hiểm người vay vốn của Công ty Bảo hiểm (trường hợp bên vay tham gia bảo hiểm người vay vốn)1. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng này sau khi được phê duyệt kết hợp với Điều kiện và điều khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống không có TSBĐ đối với khách hàng cá nhân (áp dụng khách hàng vay theo món và/hoặc hạn mức thấu chi) tạo thành Hợp đồng tín dụng, Bên vay cam kết tuân thủ đúng các quy định trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng này.
2. Đồng ý để Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin trên đây vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết.
3. Bên vay cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích đã liệt kê tại mục 3.III như trên theo quy định của Pháp luật và sẵn sàng cung cấp các tài liệu sử dụng tiền vay theo yêu cầu của BIDV.
4. Vợ/chồng Bên vay có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với các khoản vay do Bên vay rút, sử dụng trong thời hạn cấp hạn mức thấu chi.
5. Bên vay đồng ý Ngân hàng được sửa đổi, bổ sung, thay thế bản điều kiện điều khoản vay tiêu dùng không có TSBĐ trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật.
 |
|  | *......................, ngày tháng năm 20***Người đề nghị***(ký, ghi rõ họ tên)* |
| 1. **Xác nhận của đơn vị công tác**
 |
| - Ông/Bà …hiện đang công tác tại đơn vị chúng tôi theo đúng các thông tin tại mục I.3 trên đây.- Thu nhập hàng tháng Ông/Bà được nhận là:………………………………………VNĐ- Trong thời gian Ông/Bà chưa trả hết nợ, nếu Ông/Bà có bất kỳ thay đổi/ dự định thay đổi nào sau đây, đơn vị chúng tôi sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng và khấu trừ mọi quyền lợi vật chất mà Ông/Bà..................được hưởng theo chế độ của đơn vị (nếu có) để trả nợ Ngân hàng: + Nộp đơn thôi việc/chấm dứt Hợp đồng lao động. + Điều chuyển, thay đổi sang vị trí công tác mới. + Bị thương tật nặng ảnh hưởng đến khả năng lao động. | *……,ngày.. tháng năm 20***Người xác nhận** *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| 1. **Các tài liệu kèm theo**
 |
| ☐ Bản photo CMND/Hộ chiếu của Bên vay. | **Ký nhận của CB QLKHCN***(ký, ghi rõ họ tên)* |
| ☐ Bản photo Hộ khẩu trường trú/Xác nhận tạm trú |
| ☐ Bản photo Hợp đồng lao động/Quyết định biên chế (hoặc giấy tờ khác tương đương)*(ghi rõ nếu là giấy tờ khác: )*☐ Sao kê tài khoản nhận lương/Bảng lương |
| ☐ Các giấy tờ chứng minh thu nhập khác (nếu có): |
| 1. **PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG - ĐỀ XUẤT & PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT TÍN DỤNG[[1]](#footnote-1)**
 |
| **1. Thông tin quan hệ giữa khách hàng với BIDV** |
| **- Tổng hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm:** VNĐ.**-** **Dư nợ không có tài sản bảo đảm tại BIDV:** VNĐ.**- Dư nợ có tài sản bảo đảm khác tại BIDV:** VNĐ.**- Dư nợ quá hạn/nợ xấu tại BIDV:** VNĐ. |
| **Thông tin về nhóm KH liên quan** (nếu có) | **Khách hàng liên quan**  | **Mối quan hệ** (sở hữu/điều hành/gia đình) | **Tổng giới hạn tín dụng** **được cấp** (ngắn trung dài hạn, bảo lãnh…) | **Tổng dư nợ** **tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng** |
| **Dư nợ****ngắn hạn** | **Dư nợ** **trung dài hạn** | **Dư** **bảo lãnh** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Đánh giá tổng giới hạn tín dụng mà chi nhánh đã cấp cho nhóm khách hàng liên quan: |
| **Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ:**  |
| **2. Báo cáo tín dụng từ CIC** |
| ☐Có báo cáo (đính kèm), mã CIC: ☐Không có thông tin |
| **3. Thông tin quan hệ giữa khách hàng với các tổ chức tín dụng (TCTD) khác** |
| **TT** | **TCTD** | **Dư nợ** | **Nhóm nợ** | **Loại TSBĐ** | **Giá trị TSBĐ** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| **4. Đề xuất tín dụng** |
| ☐**Vay theo món**☐**Không đồng ý cho vay**☐**Đồng ý cho vay, với các nội dung cụ thể sau:****- Số tiền vay:** VNĐ. *Bằng chữ:***- Thời hạn vay:** tháng.**- Lịch trả nợ:** + Kỳ trả nợ: định kỳ hàng tháng, vào ngày….hàng tháng + Số tiền trả nợ gốc: + Số tiền trả nợ lãi: theo dư nợ thực tế.**- Phương thức trả nợ:** ☐Tự động trừ tài khoản số: của Bên vay tại BIDV.☐Khác: **- Lãi suất:** %/năm. **Lãi suất quá hạn: %** lãi suất trong hạn;Lãi suất được điều chỉnh…tháng/lần**- Phí:****- Khoản rút vốn lần đầu:**  + Số tiền rút vốn:VNĐ. *Bằng chữ:* *+* Thời điểm rút vốn:+ Phương thức rút vốn: + Số tài khoản vay:……. | ☐**Thấu chi**☐**Không đồng ý cho vay**☐**Đồng ý cho vay, với các nội dung cụ thể sau:****- Tài khoản cấp hạn mức thấu chi:** **- Giá trị hạn mức:** VNĐ.*Bằng chữ:***- Thời hạn cấp hạn mức:** tháng.**-** **Lịch trả nợ:** + Nợ lãi ☐trả vào ngày 27 hàng tháng (1) ☐trả vào ngày …. hàng tháng (2)+ Nợ gốc: trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của Bên vay tại BIDV.**- Lãi suất:** %/năm**Lãi suất quá hạn: %** lãi suất trong hạn.**- Phí:** |
| **5. Chương trình tín dụng và mã sản phẩm áp dụng** |
| **- Chương trình tín dụng** (nếu có)**:****- Mã sản phẩm vay:** |
| **Ngân hàng***......................, ngày tháng năm* |
| **Cán bộ QLKHCN**(ký, ghi rõ họ tên) | **Lãnh đạo PKHCN/PGD***(ký, ghi rõ họ tên)* | **CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

1. \* Người có thẩm quyền xác nhận lương là người đứng đầu đơn vị hoặc cấp được ủy quyền xác nhận theo văn bản ủy quyền của đơn vị khách hàng công tác...

Trường hợp thu nợ tự động

Trường hợp thu nợ thủ công [↑](#footnote-ref-1)